

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

## DỰ THẢO 1

### NGHỊ ĐỊNH

#### Quy định chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số 148/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp.

### Chương I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định chi tiết khoản 4 Điều 32 và khoản 2 Điều 35 Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15 quy định chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp (sau đây gọi tắt là Quỹ).

2. Đối với các cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp trong lĩnh vực quốc phòng và an ninh: Được áp dụng chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này và quy định riêng của Chính phủ để tổ chức thực hiện bảo đảm phù hợp với đặc thù về quốc phòng, an ninh.

##### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng kinh phí hỗ trợ của nhà nước về giáo dục nghề nghiệp cho doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp.

### Chương II

#### VỀ CHÍNH SÁCH CỦA NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

**Điều 3. Khuyến khích doanh nghiệp hợp tác với cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ, đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh trong giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề.**

1. Doanh nghiệp được khuyến khích hợp tác với cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp để thực hiện các hoạt động sau:

- Đào tạo người lao động tuyển dụng vào làm việc tại doanh nghiệp hoặc lao động khác có nhu cầu được đào tạo; tham gia xây dựng danh mục ngành, nghề đào tạo; chương trình, giáo trình đào tạo nghề nghiệp phục vụ hoạt động nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo dựa trên đổi mới công nghệ, sáng tạo công nghệ, nâng cao hiệu suất công nghệ, hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng tạo tri thức và hoạt động liên quan khác.

- Tiếp nhận nhà giáo, học sinh, sinh viên của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đến tham quan, thực hành, thực tập nâng cao kỹ năng nghề tại doanh nghiệp hoặc cập nhật, tiếp cận công nghệ mới; hỗ trợ ương tạo các ý tưởng khởi nghiệp, hỗ trợ tư vấn/cố vấn, chia sẻ kinh nghiệm cho học sinh, sinh viên về các ý tưởng khởi nghiệp; chuyển giao bí quyết công nghệ, tiếp nhận, vận hành và làm chủ công nghệ, năng suất, chất lượng, sở hữu trí tuệ; quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới theo quy định khoản 6 Điều 57 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

- Triển khai thực hiện các hoạt động phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội, thị trường lao động, theo quy định tại Điều 57, Điều 58, Điều 59 Nghị định số 268/2025/NĐ-CP.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, phổ cập năng lực số cơ bản cho học sinh, sinh viên, người lao động; đào tạo, hướng dẫn chuyển đổi nghề nghiệp, nâng cao năng lực số phù hợp nhu cầu thị trường trong lĩnh vực chuyển đổi số, chuyển đổi xanh.

2. Doanh nghiệp hợp tác với cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp được hưởng chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và pháp luật có liên quan.

#### **Điều 4. Tôn vinh, khen thưởng doanh nghiệp có đóng góp tiêu biểu**

1. Doanh nghiệp có đóng góp tiêu biểu cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề được xét tôn vinh, khen thưởng. Doanh nghiệp hằng năm có trích lập Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp và sử dụng tối thiểu hết 70% quỹ hằng năm cho hoạt động giáo dục, đào tạo là một tiêu chí được Nhà nước xem xét tôn vinh, khen thưởng.

2. Hình thức, tiêu chí, tiêu chuẩn doanh nghiệp được tôn vinh, khen thưởng do Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền quy định.

3. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục xét tôn vinh, khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

**Điều 5. Hỗ trợ kinh phí đào tạo cho doanh nghiệp trong trường hợp ngành, nghề đào tạo trình độ sơ cấp cho người yếu thế; ngành, nghề ưu tiên hoặc khó xã hội hóa.**

1. Xác định nhu cầu đào tạo và phương thức thực hiện hỗ trợ

a) Xác định nhu cầu đào tạo

- Căn cứ danh mục ngành, nghề đào tạo trình độ sơ cấp cho người yếu thế; ngành, nghề ưu tiên hoặc khó xã hội hóa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các địa phương quy định danh mục ngành nghề được hưởng hỗ trợ phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội và thị trường lao động của địa phương mình.

- Trước ngày 15 tháng 5 hằng năm, doanh nghiệp lập danh sách người lao động đã ký hợp đồng lao động với doanh nghiệp, giấy thông báo trúng tuyển của cơ sở dự kiến đào tạo

kèm nhu cầu ngành nghề đào tạo gửi về Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt trụ sở chính. Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát và tổng hợp nhu cầu, gửi Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Căn cứ nhu cầu đào tạo của doanh nghiệp và danh mục ngành nghề được hưởng hỗ trợ của địa phương và tình hình phát triển kinh tế xã hội hàng năm của địa phương, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt chỉ tiêu hỗ trợ cho từng doanh nghiệp.

b) Nội dung và quy trình thực hiện hỗ trợ

Người lao động được giảm 70% học phí và được ngân sách nhà nước cấp bù tiền giảm học phí theo mức học phí của các ngành, nghề, trình độ đào tạo quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Hồ sơ thủ tục, trình tự thực hiện miễn, giảm học phí thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.

c) Trường hợp không tìm được cơ sở đào tạo phù hợp với ngành nghề có nhu cầu, doanh nghiệp tổng hợp nhu cầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định này (không bao gồm thông báo trúng tuyển). Sở Giáo dục và Đào tạo trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc tổ chức đào tạo theo nhu cầu của địa phương theo quy định của pháp luật về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu.

2. Lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí

a) Lập dự toán

- Kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ đào tạo cho doanh nghiệp trong trường hợp ngành, nghề đào tạo trình độ sơ cấp cho người yếu thế; ngành, nghề ưu tiên hoặc khó xã hội hóa được thực hiện theo quy định của pháp luật ngân sách nhà nước và pháp luật khác có liên quan.

- Đối với kinh phí đào tạo: Căn cứ vào định mức hỗ trợ quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; hằng năm, Sở Giáo dục và

Đào tạo lập dự toán kinh phí đào tạo cùng thời điểm lập dự toán ngân sách và tổng hợp trong dự toán ngân sách của đơn vị, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt kinh phí để hỗ trợ kinh phí đào tạo theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Đối với các chi phí còn lại (tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền đi lại) trong thời gian người lao động tham gia đào tạo do doanh nghiệp và người học chi trả.

#### b) Nguồn kinh phí

Kinh phí hỗ trợ đào tạo được bố trí từ ngân sách địa phương, kinh phí hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và các nguồn huy động, tài trợ hợp pháp khác. Trường hợp điều kiện kinh tế - xã hội địa phương đảm bảo, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định mức hỗ trợ cao hơn mức hỗ trợ quy định tại Nghị định số 238/2025/NĐ-CP.

c) Việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

3. Các quy định khác về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu chưa được quy định cụ thể tại Nghị định này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

4. Người lao động đã được đào tạo theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Giáo dục nghề nghiệp chỉ được hỗ trợ một lần theo quy định tại Nghị định này và không được hưởng các chính sách hỗ trợ khác về giáo dục đào tạo, giáo dục nghề nghiệp.

### **Điều 6. Bồi hoàn kinh phí hỗ trợ đào tạo**

#### 1. Về đối tượng bồi hoàn kinh phí hỗ trợ đào tạo

##### a) Đối tượng phải bồi hoàn kinh phí hỗ trợ đào tạo, gồm:

- Người lao động đã được hưởng chính sách không làm việc cho doanh nghiệp sau 02 năm kể từ ngày có văn bản công nhận hoàn thành khóa học.

- Người lao động đã được hưởng chính sách và làm việc cho doanh nghiệp nhưng không đủ thời gian làm việc tối thiểu gấp hai lần thời gian đào tạo tính từ ngày được tuyển dụng.

- Người lao động được hưởng chính sách đang trong thời gian đào tạo nhưng chuyển sang ngành, nghề đào tạo khác, tự thôi học, không hoàn thành chương trình đào tạo hoặc bị kỷ luật buộc thôi học.

##### b) Đối tượng không phải bồi hoàn kinh phí hỗ trợ đào tạo gồm:

- Trong thời hạn 02 năm kể từ ngày có văn bản công nhận hoàn thành khóa học, người lao động làm việc cho doanh nghiệp và có thời gian làm việc tối thiểu gấp 2 lần thời gian đào tạo tính từ ngày được tuyển dụng.

- Người lao động sau khi hoàn thành khóa học quay trở về doanh nghiệp và tiếp tục được doanh nghiệp cử đi đào tạo trình độ cao hơn và tiếp tục làm việc cho doanh nghiệp tối thiểu gấp 2 lần thời gian đào tạo tính từ ngày được tuyển dụng.

c) Người lao động dừng học do ốm đau, tai nạn, học lại, lưu ban (không quá một lần) hoặc dừng học vì lý do khác không do kỷ luật hoặc tự thôi học, được cơ sở đào tạo xem xét cho tiếp tục học tập theo quy định, thì tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo quy định tại Nghị định này nhưng thời gian hưởng không vượt quá thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo.

## 2. Chi phí bồi hoàn và cách tính chi phí bồi hoàn

a) Chi phí bồi hoàn là kinh phí hỗ trợ đào tạo đã được ngân sách địa phương hỗ trợ cho người học.

b) Người lao động thuộc đối tượng quy định tại gạch đầu dòng thứ nhất và gạch đầu dòng thứ ba điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định này phải bồi hoàn toàn bộ kinh phí đã được ngân sách địa phương hỗ trợ.

c) Người lao động thuộc đối tượng quy định tại gạch đầu dòng thứ hai điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định này phải bồi hoàn một phần kinh phí đã được ngân sách địa phương hỗ trợ.

Cách tính chi phí bồi hoàn theo công thức sau:

$$S = (F / T1) \times (T1 - T2)$$

Trong đó:

- S là chi phí bồi hoàn;
- F là kinh phí hỗ trợ đào tạo đã được ngân sách địa phương hỗ trợ;
- T1 là tổng thời gian làm việc cho doanh nghiệp theo quy định tính bằng số tháng làm tròn;
- T2 là thời gian đã làm việc cho doanh nghiệp được tính bằng số tháng làm tròn.

## 3. Thu hồi chi phí bồi hoàn

- Hằng năm, căn cứ vào kết quả rèn luyện, học tập của người học, cơ sở đào tạo thông báo danh sách người học thuộc đối tượng quy định tại gạch đầu dòng thứ ba điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định này cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người học thường trú hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo để thông báo thu hồi kinh phí đã hỗ trợ cho người học theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

- Sở Giáo dục và Đào tạo theo dõi, hướng dẫn, ra thông báo thu hồi kinh phí hỗ trợ để người học thực hiện nộp trả đầy đủ khoản tiền phải bồi hoàn theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền, người học thuộc đối tượng bồi hoàn kinh phí phải có trách nhiệm liên hệ với cơ quan ra thông báo thu hồi kinh phí bồi hoàn để làm thủ tục bồi hoàn kinh phí hỗ trợ. Thời hạn phải thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn kinh phí hỗ trợ tối đa là 4 năm, kể từ khi người học nhận được thông báo bồi hoàn kinh phí. Trong thời hạn phải thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn kinh phí, người học nộp tiền bồi hoàn cho cơ sở đào tạo hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

Trường hợp người học chậm thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn quá thời hạn quy định thì phải chịu lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn do

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định đối với khoản tiền chậm bồi hoàn. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không quy định lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn thì phải chịu lãi suất áp dụng đối với tiền gửi không kỳ hạn của Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam tại thời điểm thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn.

4. Người lao động phải bồi hoàn kinh phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Nghị định này, nếu thuộc đối tượng được cơ quan có thẩm quyền xác nhận bị suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên hoặc từ trần sẽ được xóa kinh phí bồi hoàn; nếu thuộc đối tượng hưởng chính sách miễn hoặc giảm học phí theo quy định của Chính phủ sẽ được miễn hoặc giảm mức bồi hoàn kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí tương ứng. Căn cứ vào điều kiện cụ thể của người học, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi sinh viên thường trú quyết định miễn, giảm hoặc xóa kinh phí bồi hoàn cho người học thuộc đối tượng chính sách.

5. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được tiền bồi hoàn kinh phí của người học, cơ sở đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện nộp trả kinh phí vào ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định số 347/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

6. Người học không thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn thì cơ quan có thẩm quyền theo dõi, hướng dẫn, ra thông báo thu hồi kinh phí có quyền khởi kiện tại Tòa án theo quy định pháp luật.

### **Chương III**

## **VỀ QUỸ ĐÀO TẠO NHÂN LỰC CỦA DOANH NGHIỆP**

### **Điều 7. Về Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp**

1. Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp do doanh nghiệp lựa chọn, tự chủ, tự quyết định thành lập nhằm bảo đảm các hoạt động giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của doanh nghiệp được thường xuyên, liên tục, đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Đối tượng trích lập Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp: doanh nghiệp thành lập theo luật doanh nghiệp.

3. Nguồn và mức trích lập Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp:

a) Nguồn trích lập Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp từ lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp. Mức trích lập hàng năm do doanh nghiệp tự quyết định, phù hợp với nhu cầu, kế hoạch đào tạo nhân lực hàng năm của doanh nghiệp được phê duyệt. Riêng đối với doanh nghiệp nhà nước mức trích lập Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp hàng năm tối đa không quá 01% lợi nhuận sau thuế.

b) Nguồn tài trợ hợp pháp của cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước.

4. Nội dung chi của Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp:

a) Đào tạo và phát triển kỹ năng cho người lao động của doanh nghiệp, hỗ trợ người lao động của doanh nghiệp học tập, nâng cao trình độ chuyên môn theo điểm a, b khoản 1 Điều 35 Luật Giáo dục nghề nghiệp bao gồm: Chi phí trả cho người dạy, tài liệu học tập, thiết bị dùng để hoạt động giáo dục

nghề nghiệp, vật liệu thực hành, các chi phí khác hỗ trợ cho người học; chi phí đào tạo của doanh nghiệp cho người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại doanh nghiệp; chi phí đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp; chi phí cho hoạt động đánh giá kỹ năng nghề, đánh giá năng lực theo chuẩn doanh nghiệp hoặc theo tiêu chuẩn năng lực nghề nghiệp quốc gia;

Các hoạt động giáo dục, đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ cho người lao động quy định tại điểm này phải được quy định chi tiết tại một trong các hồ sơ sau: Hợp đồng lao động, Thỏa ước lao động tập thể, Quy chế tài chính của doanh nghiệp;

b) Tài trợ cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp có hợp tác với doanh nghiệp theo điểm c khoản 1 Điều 35 Luật Giáo dục nghề nghiệp bao gồm: Tài trợ cho các trường học công lập, dân lập và tư thục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của pháp luật về giáo dục mà khoản tài trợ này không phải là để góp vốn, mua cổ phần trong các cơ sở này; tài trợ cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập và hoạt động của trường học; tài trợ cho các hoạt động thường xuyên của trường; tài trợ học bổng cho học sinh, sinh viên thuộc các cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục (tài trợ trực tiếp cho học sinh, sinh viên hoặc thông qua các cơ sở giáo dục, thông qua các cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật); tài trợ cho các cuộc thi về các môn học được giảng dạy trong trường học mà đối tượng tham gia dự thi là người học; tài trợ để thành lập các Quỹ khuyến học giáo dục theo quy định của pháp luật về giáo dục đào tạo; tài trợ xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo theo đặt hàng của doanh nghiệp.

5. Việc sử dụng, quản lý Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp (nếu có) phải được quy định tại điều lệ hoặc quy chế của doanh nghiệp.

6. Việc hạch toán kế toán của Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật kế toán.

## **Chương IV**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 8. Trách nhiệm của các Bộ, ngành**

##### **1. Bộ Giáo dục và Đào tạo**

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các nội dung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định này.

b) Tổ chức kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Nghị định này đối với các cơ sở đào tạo theo quy định;

2. Các bộ, ngành liên quan: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Nghị định này.

#### **Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân**

##### **1. Đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

a) Quy định danh mục ngành nghề được hưởng hỗ trợ phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội và thị trường lao động của địa phương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định này bảo đảm thực hiện tiết kiệm, hiệu quả chính sách.

b) Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo theo quy định tại địa phương; kiểm tra, giám sát việc thực hiện và báo cáo tình hình thực hiện định kỳ hằng năm với Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## 2. Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chủ trì rà soát và tổng hợp nhu cầu đào tạo của các doanh nghiệp gửi Sở Giáo dục và Đào tạo.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo đối với quy định liên quan đến bồi hoàn kinh phí đào tạo tại Điều 6 Nghị định này theo Mẫu số 02 và Mẫu số 03.

## **Điều 10. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo**

1. Căn cứ chỉ tiêu đào tạo được thông báo, thực hiện đào tạo người lao động theo đúng quy định hiện hành.

2. Bảo đảm chất lượng đào tạo và chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý cấp trên về chất lượng đào tạo do đơn vị thực hiện.

## **Điều 11. Trách nhiệm của doanh nghiệp**

1. Đề xuất nhu cầu tuyển dụng lao động đối với các ngành, nghề gắn với nhu cầu của doanh nghiệp, ưu tiên lao động là người yếu thế.

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Giáo dục và Đào tạo, cơ sở đào tạo để thực hiện các quy định liên quan đến bồi hoàn kinh phí đào tạo tại Điều 6 Nghị định này.

## **Điều 12. Trách nhiệm của gia đình và người lao động được đào tạo**

1. Chấp hành các quy định của pháp luật và nội quy, quy chế của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; hoàn thành chương trình đào tạo theo ngành được cử đi học.

2. Sau khi có văn bản xác nhận hoàn thành khóa đào tạo, định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm của năm tiếp theo cho đến năm đủ thời gian không phải thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn kinh phí hỗ trợ quy định tại Điều 6 Nghị định này, báo cáo tình hình việc làm của bản thân theo Mẫu số 04 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này tới Ủy ban nhân dân cấp xã (cơ quan theo dõi, hướng dẫn, ra thông báo thu hồi kinh phí) nơi người học thường trú hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo để thông báo xóa hoặc thu hồi khoản kinh phí hỗ trợ.

3. Người lao động thuộc đối tượng quy định tại Điều 6 Nghị định này, người học có trách nhiệm nộp trả kinh phí đã được hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này tới cơ sở đào tạo hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo để nộp trả ngân sách địa phương qua hệ thống Kho bạc nhà nước.

4. Người lao động thuộc đối tượng phải bồi hoàn kinh phí có trách nhiệm gửi bản sao chứng từ nộp tiền bồi hoàn kinh phí đến cơ quan có thẩm quyền ra thông báo thu hồi kinh phí bồi hoàn để theo dõi, báo cáo và xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ.

### **Điều 13. Hiệu lực thi hành**

#### **1. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bởi văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo văn bản mới đó.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

#### ***Nơi nhận:***

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: Bộ trưởng CN, các Phó CN, Trợ lý TTg, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (...).

**TM. CHÍNH PHỦ  
THỦ TƯỚNG**

**PHỤ LỤC  
CÁC BIỂU MẪU**

*(Kèm theo Nghị định số /2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Báo cáo nhu cầu đào tạo người lao động
Mẫu số 02	Thông báo người học nộp tiền bồi hoàn kinh phí hỗ trợ đào tạo
Mẫu số 03	Báo cáo thực hiện hỗ trợ kinh phí đào tạo và kinh phí bồi hoàn của người học
Mẫu số 04	Giấy xác nhận thời gian làm việc tại doanh nghiệp







ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../BC-UBND

V/v báo cáo thực hiện hỗ trợ  
kinh phí đào tạo

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo;

Ủy ban nhân dân xã ... gửi tới Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo thực hiện hỗ trợ kinh phí đào tạo như sau:

1. Tình hình thực hiện hỗ trợ kinh phí đào tạo

- Số lượng người học được hưởng chính sách hỗ trợ:

Trong đó: báo cáo cụ thể số lượng người học tuyển mới, số lượng người học đang đào tạo.

- Tổng kinh phí hỗ trợ kinh phí đào tạo (đơn vị triệu đồng):

2. Kinh phí bồi hoàn của người học

TT	Tên người học được nhận hỗ trợ	Địa chỉ thường trú	Cơ sở đào tạo chi trả kinh phí	Số tiền phải bồi hoàn kinh phí hỗ trợ	Lý do phải bồi hoàn kinh phí hỗ trợ	Bản sao chứng từ nộp tiền
----	--------------------------------	--------------------	--------------------------------	---------------------------------------	-------------------------------------	---------------------------

**Ghi chú:** Tại cột “Bản sao chứng từ nộp tiền” nếu người học đã nộp Bản sao chứng từ nộp tiền bồi hoàn kinh phí theo quy định tại Điều 6 Nghị định số ... ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định chính sách của Nhà nước đối với doanh nghiệp và Quỹ đào tạo nhân lực của doanh nghiệp thì ghi “đã nộp”, nếu chưa nộp thì ghi “chưa nộp”.

Nơi nhận:

.....  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

-

.....;

-

.....;

- Lưu: VT.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY XÁC NHẬN**  
**THỜI GIAN LÀM VIỆC TẠI DOANH NGHIỆP**

1. Thông tin chung về doanh nghiệp:

- Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ, điện thoại, fax, email, website:
- Mã số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:
- Lĩnh vực hoạt động, ngành, nghề kinh doanh:

2. Xác nhận

Ông/Bà:.....

Số chứng minh thư nhân dân/Thẻ căn cước công dân: ..... ngày cấp:  
.....nơi cấp: .....

Ngày tuyên dụng: ..... tại Quyết định số: ..... ngày  
..... về việc .....  
đã công tác tại doanh nghiệp là ..... năm ..... tháng./.

....., ngày .... tháng.... năm.....

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

(Ký tên, đóng dấu)